

Nhận diện rủi ro nghiệp vụ ngân hàng quốc tế của ngân hàng thương mại trong hội nhập quốc tế

TS. NGUYỄN THỊ CẨM THỦY

Học viện Ngân hàng

Hội nhập kinh tế quốc tế mở ra những cơ hội phát triển hoạt động kinh doanh cho hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam (NHTM VN), đồng thời cũng đặt các ngân hàng này trước những thách thức. Để tận dụng được những cơ hội của hội nhập, các NHTM VN cần phải xây dựng một lộ trình mở cửa kinh doanh, phát triển dịch vụ thích hợp nhằm phát huy thế mạnh, hạn chế điểm yếu, trở thành những NH đa năng hiện đại. Phát triển mảng nghiệp vụ ngân hàng quốc tế (NVNHQT) là một giải pháp cho các NHTM VN để thực hiện mục tiêu này. Tuy nhiên, hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng dẫn đến nguy cơ rủi ro trong NVNHQT trở nên đa dạng với mức độ trầm trọng hơn, đòi hỏi việc nhận diện rủi ro NVNHQT của NHTM VN trong điều kiện hội nhập ngày càng chặt chẽ hơn.

1. Rủi ro nghiệp vụ ngân hàng quốc tế của NHTM

Theo định nghĩa truyền thống: “Rủi ro là những sự cố bất ngờ xảy ra có thể gây ra sự mất mát về tài sản hay làm phát sinh một khoản nợ”.

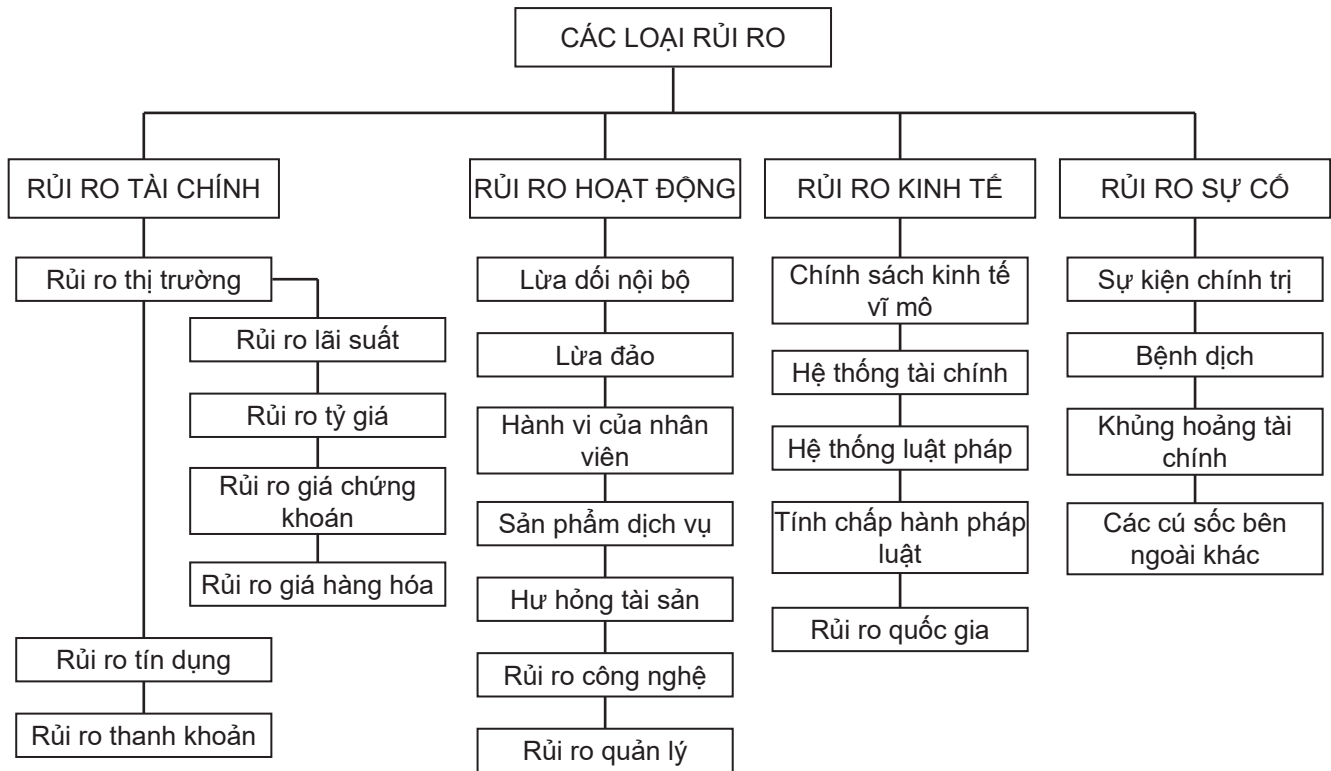
Theo định nghĩa hiện đại thì rủi ro bao hàm nghĩa rộng hơn, không những chỉ tính đến những rủi ro gây ra thiệt hại về tài chính mà bao gồm cả những rủi ro liên quan đến những mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược.

Theo đó, “Rủi ro là những sự kiện xảy ra không chắc chắn trong tương lai làm cho chủ thể không đạt được những mục tiêu chiến lược và mục tiêu hoạt động, cũng như chi phí cơ hội của việc làm mất đi những cơ hội thị trường”.

Nói chung, rủi ro là những sự kiện bất ngờ không mong đợi khi xảy ra gây tổn thất cho con người. Rủi ro luôn tiềm ẩn song hành với các hoạt động của cuộc sống và có thể xảy ra bất cứ khi nào. Nó luôn vận động, luôn



Sơ đồ 1. Phân loại rủi ro trong hoạt động kinh doanh của NHTM



biến đổi theo môi trường tự nhiên, kinh tế, chính trị xã hội, khả năng làm chủ tự nhiên, xã hội và tư duy con người. Trong hoạt động kinh doanh, rủi ro có thể gây ra một sự sai lệch, trái nghịch với kết quả mong muốn, gây mất mát về tài sản và thua lỗ trong kinh doanh.

NVNHQT của NHTM bao gồm tất cả các dịch vụ do khách hàng yêu cầu có liên quan đến thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế..., hay nói cách khác, đó là việc ngân hàng thực hiện một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình đầu tư và cung ứng các dịch vụ tài chính ngân hàng trên thị trường quốc tế nhằm mục đích sinh lời. Trong thực tế, đó là sự mở rộng phạm vi hoạt động nghiệp vụ ngân hàng đối nội ra phạm vi thế giới.

Từ khái niệm nêu trên, NVNHQT của NHTM có những đặc điểm chủ yếu sau đây: (1) NVNHQT có tác động qua lại và quan hệ mật thiết với các hoạt động kinh tế quốc tế; (2) NVNHQT là dịch vụ ngân hàng cung cấp cho khách hàng ngoài phạm vi quốc gia, do đó nó không chỉ chịu sự điều chỉnh của luật pháp quốc gia mà còn phải tuân thủ theo luật pháp quốc tế, thông lệ quốc tế; (3) các chủ thể tham gia vào NVNHQT rất đa dạng đến từ các quốc gia khác nhau vì vậy giữa các chủ thể này tiềm ẩn nhiều lợi ích, mâu thuẫn cần được dung hòa và giải quyết; (4) NVNHQT có quan hệ mật thiết với thị trường ngoại hối và chịu sự tác động mạnh mẽ của yếu tố tỷ giá, dự trữ ngoại tệ của mỗi quốc gia... (5) ngân

hàng cung ứng các NVNHQT luôn phải đương đầu với rủi ro cao, tiềm ẩn, phức tạp, khó kiểm soát phát sinh cả trong và ngoài nước.

Thông qua việc xem xét các quan điểm về rủi ro cũng như xuất phát từ thực tiễn hoạt động kinh doanh NVNHQT của ngân hàng, có thể định nghĩa về rủi ro NVNHQT của NHTM như sau: *“Rủi ro NVNHQT của NHTM là những biến cố không mong đợi, có thể xảy ra trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh này, gây thiệt hại cho ngân hàng cả về tài chính và uy tín”.*

Trong hoạt động kinh doanh NVNHQT luôn có thể xảy ra 3 dạng rủi ro luôn gắn liền với ngân hàng trong kinh doanh NVNHQT với tư cách là một trung gian tài chính. Đó là rủi



ro tỷ giá, rủi ro pháp lý, rủi ro tác nghiệp.

- *Rủi ro tỷ giá:* Rủi ro tỷ giá là rủi ro đặc thù mà các chủ thể kinh doanh quốc tế phải đối mặt. Nguyên nhân là do trong kinh doanh quốc tế gắn liền với quá trình thanh toán sử dụng ngoại tệ, đặc biệt đối với những quốc gia có đồng tiền yếu không có khả năng chuyển đổi trên thị trường thì tác động của sự thay đổi của tỷ giá là rất lớn. Bất kỳ sự biến động tăng hay giảm của tỷ giá một cách đột ngột đều ảnh hưởng đến doanh số, giá cả và lợi nhuận của các nhà kinh doanh XNK; cũng như khiến giá trị tài sản và nguồn vốn tính bằng nội tệ của nhà đầu tư trở nên bất định. Đối với NH khi cung ứng những NVNHQT như thanh toán quốc tế, tài trợ XNK, bao thanh toán... hay kinh doanh ngoại tệ thu lợi nhuận thì sẽ gặp rủi ro tỷ giá trong những trường hợp sau đây:

- Khi nhập khẩu (NK), người NK không thể lường trước được mức độ biến động của tỷ giá nên khi hàng nhập về, tỷ giá tăng mạnh, đối với những mặt hàng giá bán cạnh tranh không thể tăng được giá, người NK không muốn nhận hàng vì sợ bị lỗ. Trong thanh toán L/C ngay cả khi người NK ký quỹ 100% giá trị L/C thì cũng không bù đắp được tỷ lệ trượt giá của đồng nội tệ và như vậy, ngân hàng đã gặp rủi ro tỷ giá.

- Rủi ro tỷ giá tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng trên thị trường ngoại hối. Ngân hàng tham

gia thị trường ngoại hối với hai mục đích chính là: Dịch vụ khách hàng (dịch vụ mua hộ bán hộ) và kinh doanh mua bán cho chính mình. Rủi ro tỷ giá chỉ phát sinh khi ngân hàng kinh doanh mua bán cho chính mình, tức tạo ra trạng thái ngoại hối mở để đầu cơ kiếm lãi khi tỷ giá thay đổi. Ví dụ như khi ngân hàng mua một lượng USD theo một mức giá nào đó thì cho đến khi ngân hàng bán hết số USD đó thì ngân hàng mới hết rủi ro tỷ giá. Rủi ro tỷ giá tăng lên theo thời gian tồn tại của trạng thái ngoại hối, thậm chí có khi san bằng ngay một trạng thái mới vừa tạo nên, với một khoảng thời gian tính bằng giây giữa hai nghiệp vụ mua và bán. Rủi ro tỷ giá cũng phát sinh ngay cả khi ngân hàng duy trì trạng thái ngoại hối cân bằng.

Như vậy rủi ro tỷ giá xuất hiện ngay khi một trạng thái ngoại hối mới được tạo ra. Mỗi một biến động nhỏ của tỷ giá, hậu quả sẽ là sự biến động to lớn về giá trị tài sản nếu lượng kinh doanh ngoại tệ lớn. Mỗi nguy hiểm và thiệt hại này không phụ thuộc vào hệ thống tỷ giá thả nổi hay cố định.

- *Rủi ro pháp lý:* Hoạt động ngân hàng là một trong những lĩnh vực kinh doanh chịu sự giám sát chặt chẽ của pháp luật. Việc mở rộng mạng lưới hoạt động của ngân hàng ra thị trường quốc tế không chỉ chịu sự chi phối của luật pháp trong nước mà còn phải phù hợp với luật pháp và thông lệ quốc tế. Vì vậy, việc am hiểu,

nắm vững và vận dụng đúng đắn các luật lệ liên quan điều chỉnh NVNHQT sẽ giảm thiểu được những rủi ro có thể xảy ra trong quá trình thực hiện giao dịch.

Rủi ro pháp lý là do ngân hàng thực hiện các giao dịch không đúng luật, gây nên tổn thất và tranh chấp giữa các bên tham gia. Rủi ro pháp lý trong kinh doanh NVNHQT bao gồm rủi ro về chính sách, rủi ro trong quá trình áp dụng và thực thi những quy định trong nước và quốc tế liên quan đến NVNHQT. Cụ thể:

+ Hệ thống luật pháp điều chỉnh hoạt động kinh doanh NVNHQT: Hành lang pháp lý đồng bộ có tác dụng thúc đẩy hoạt động thương mại quốc tế nói chung và NVNHQT của NHTM nói riêng. Ngược lại, sự chưa hoàn chỉnh của hành lang pháp lý tạo ra sự bị động, không có cơ sở để các bên thực hiện và giải quyết những tranh chấp phát sinh, quyền lợi của các bên không được bảo vệ. Trong kinh doanh NVNHQT, NHTM chịu sự chi phối của luật quốc gia và luật quốc tế, nếu giữa các hệ thống luật này có sự mâu thuẫn cũng là một nguyên nhân dẫn đến rủi ro cho NH đặc biệt khi phát sinh tranh chấp.

+ Chính sách liên quan đến hoạt động kinh doanh NVNHQT: Trong chiến lược phát triển tổng thể nền kinh tế, mỗi quốc gia đều xây dựng một hệ thống các chính sách kinh tế phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Các chính sách



này phần nào có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh NVNHQT của NHTM. Chẳng hạn, chính sách thương mại của một quốc gia hướng vào xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu, tỷ giá sẽ được điều chỉnh có lợi cho hoạt động XK của quốc gia này. Tuy nhiên nếu năng lực sản xuất của quốc gia hạn chế, xuất khẩu chủ yếu theo hình thức gia công thì chính sách tỷ giá trên sẽ không có lợi khi nhập khẩu nguyên liệu, thậm chí ảnh hưởng đến hoạt động thanh toán, cho vay ngoại tệ, tài trợ, kinh doanh ngoại tệ của NH. Ngoài ra, Chính phủ quốc gia đó còn sử dụng hàng loạt các biện pháp khác nhằm hạn chế hoặc cản trở hoạt động TMQT của quốc gia khác như cấm vận kinh tế, chính sách quản lý ngoại hối, chính sách hạn chế XNK một số mặt hàng nào đó, các biện pháp chống bán phá giá... Các biện pháp nói trên đều ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp, cũng như ngân hàng khi mở rộng phạm vi hoạt động.

+ Thông lệ quốc tế: Phòng Thương mại quốc tế là một tổ chức phi chính phủ hoạt động độc lập đã ban hành nhiều bản quy tắc điều chỉnh trong lĩnh vực kinh doanh NVNHQT, như: UCP, UR, URR, URDG, Incoterms... Những bản quy tắc này không mang tính bắt buộc, vì vậy khi áp dụng, các bên được quyền thỏa thuận, thậm chí trái với quy định của bản quy tắc. Vì

vậy, nếu NH không am hiểu kỹ càng, chính xác nội dung của những văn bản này thì rất dễ dẫn đến những tranh chấp trong quá trình thực hiện nghiệp vụ. Ngoài ra, những thông lệ quốc tế chỉ mang tính chất hướng dẫn quy định trách nhiệm của các bên, không có chế tài xử phạt nếu có bên vi phạm, do vậy khi có tranh chấp phát sinh thì lại vẫn phải dẫn chiếu nguồn luật khác.

vào hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Rủi ro tác nghiệp trong kinh doanh NVNHQT của NHTM đến từ nhiều phía: Bản thân ngân hàng, ngân hàng đại lý, khách hàng, đối tác của khách hàng và các bên liên quan trong quá trình giao dịch. Ví dụ như trong nghiệp vụ thanh toán L/C, rủi ro nghiệp vụ xảy ra đối với ngân hàng còn có thể do hãng tàu, công ty bảo

Phòng Thương mại quốc tế là một tổ chức phi chính phủ hoạt động độc lập đã ban hành nhiều bản quy tắc điều chỉnh trong lĩnh vực kinh doanh NVNHQT, như: UCP, UR, URR, URDG, Incoterms.... Những bản quy tắc này không mang tính bắt buộc, vì vậy khi áp dụng các bên được quyền thỏa thuận những nội dung khác thậm chí trái với quy định của bản quy tắc, vì vậy nếu NH không am hiểu kỹ càng, chính xác nội dung của những văn bản này thì rất dễ dẫn đến những tranh chấp trong quá trình thực hiện nghiệp vụ.

- *Rủi ro tác nghiệp*: Rủi ro tác nghiệp là rủi ro xảy ra trong quá trình thực hiện nghiệp vụ của ngân hàng, rủi ro này có thể phát sinh từ những nguyên nhân sau đây: Do cán bộ ngân hàng trong quá trình xử lý nghiệp vụ (trình độ, kinh nghiệm, đạo đức); do bản thân quy trình nghiệp vụ chưa hoàn thiện, còn nhiều điểm bất cập gây khó khăn cho cán bộ ngân hàng tác nghiệp; sự cố từ hệ thống kỹ thuật một cách vô tình hay cố ý; hoặc do sự tác động của các sự kiện bên ngoài

hiểm... gây ra. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, rủi ro tác nghiệp xảy ra đối với ngân hàng ngày càng gia tăng và có diễn biến phức tạp, khó phòng ngừa.

2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến rủi ro NVNHQT của NHTM

Với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, thì hoạt động kinh doanh NVNHQT của NHTM càng có nhiều cơ hội phát triển, tuy nhiên rủi ro trong kinh doanh cũng ngày càng tăng lên với



mức độ nghiêm trọng hơn, điều này được giải thích bởi các lý do sau đây:

- Sự tham gia ngày càng nhiều hơn, sâu rộng hơn của các tổ chức tín dụng nước ngoài vào thị trường nội địa dưới nhiều hình thức: Liên doanh, chi nhánh, 100% vốn nước ngoài. Để tăng khả năng cạnh tranh, các ngân hàng cần hoàn thiện, nâng cao hiệu quả của sản phẩm dịch vụ, quy trình nghiệp vụ, phong cách phục vụ, chính sách khách hàng hợp lý... Do đó, áp lực công việc đối với bộ máy hoạt động ngân hàng sẽ phải cao hơn, tốc độ và khối lượng giao dịch lớn nên trong quá trình xử lý nghiệp vụ có thể mắc lỗi, sai sót.

- Nền kinh tế toàn cầu hóa là một nền kinh tế rất dễ bị chấn thương, sự trục trặc về kinh tế của một quốc gia có thể nhanh chóng lan truyền ra phạm vi toàn cầu. Cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 bắt nguồn tại Mỹ là một minh chứng. Hiệu ứng dây chuyền của khủng hoảng dẫn đến những rủi ro đặc biệt nghiêm trọng trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng, nhiều ngân hàng bị phá sản, sáp nhập; ở mức độ thấp hơn là lỗ trong kinh doanh; hay kết quả kinh doanh giảm sút, tăng trưởng với mức độ chậm lại.

- Tự do hóa thương mại tạo điều kiện đặc biệt cho hàng hóa của các nước phát triển dễ dàng thâm nhập vào thị trường các nước đang phát triển bởi sản phẩm của những nước này có chất lượng cao, giá

cạnh tranh, thương hiệu mạnh. Nhưng ngược lại, hàng hóa của những nước đang phát triển khó vào thị trường của họ bởi những yêu cầu khắt khe của thị trường này thông qua rào cản như tiêu chuẩn về chất lượng, kỹ thuật của hàng hóa. Vì vậy, muốn XK được hàng hóa sang thị trường này, nhà XK thường phải chấp nhận những điều khoản bất lợi cho mình trong thanh toán, điều này dẫn đến rủi ro cho bản thân người XK cũng như ngân hàng khi thực hiện thanh toán quốc tế, tài trợ XNK...

- Hội nhập kinh tế quốc tế có những rủi ro đặc trưng mà cả nền kinh tế phải đối mặt như tội phạm rửa tiền, buôn lậu, khủng bố... Hệ thống NHTM là mạch máu lưu chuyển dòng tiền trong nền kinh tế, các loại tội phạm ngày càng tinh vi hơn, sử dụng công nghệ cao để gây hại cho hệ thống ngân hàng. Chẳng hạn như hiện tượng tội phạm làm thẻ thanh toán giả mạo được phát hành ở một nước sang thanh toán ở nước khác; thanh toán điện tử an toàn nhanh chóng nhưng nếu máy móc kết nối gặp sự cố hoặc bị tin tặc tấn công thì lại dẫn đến những hậu quả hết sức nghiêm trọng không chỉ cho bản thân ngân hàng mà cho toàn hệ thống.

Từ những phân tích trên cho thấy, việc nhận diện rủi ro và quản trị rủi ro hoạt động kinh doanh nói chung và NVNHQT nói riêng của NHTM trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế là hết sức cần thiết.

3. Giải pháp hạn chế rủi ro NVNHQT đối với các NHTM Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế

Thứ nhất, xây dựng chính sách quản lý rủi ro NVNHQT trong chiến lược quản lý rủi ro tổng thể của mỗi ngân hàng

Trong thời gian qua, các NHTM VN đã có nhiều nỗ lực, cố gắng trong công tác quản lý rủi ro hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, trước những tác động của hội nhập như môi trường kinh doanh ngày càng cạnh tranh gay gắt, biến động không ngừng của thị trường tài chính thế giới... thì vấn đề quản lý rủi ro trong hoạt động kinh doanh phải được quan tâm chú trọng hơn nữa để phù hợp với tình hình thực tiễn. Do vậy, mỗi ngân hàng cần phải có chính sách quản lý rủi ro tổng thể. Chiến lược này làm nền tảng xây dựng các chính sách quản lý rủi ro theo từng lĩnh vực cụ thể. Chính sách này phải được rà soát theo từng thời kỳ, điều chỉnh cho phù hợp với những điều kiện thay đổi, cụ thể:

- *Xây dựng hệ thống thông tin quản lý đáp ứng yêu cầu quản lý rủi ro:* Hiện nay, hầu hết các NHTM VN đã có hệ thống thông tin nội bộ, song chất lượng hệ thống thông tin này còn có nhiều hạn chế. Vì vậy, cần có sự cập nhật hoàn thiện theo hướng đáp ứng yêu cầu quản lý rủi ro trong bối cảnh hội nhập, như: Tiếp tục hoàn thiện, làm đa dạng, phong phú thêm hệ thống thông tin khách



hàng đối với mỗi ngân hàng và cả hệ thống CIC của NHNN; các thông tin kinh tế- xã hội có liên quan đến hoạt động kinh doanh ngân hàng cần được cập nhật, nâng cao khả năng phân tích; bên cạnh những thông tin ngang (thông tin từ cơ sở), các ngân hàng cần tăng cường cập nhật những thông tin dọc (thông tin từ trên xuống) từ các Bộ, ngành để làm cơ sở cho việc phân tích các thông tin cho ngân hàng mình.

- *Xác định các loại rủi ro trong một chiến lược tổng thể:* Trong hoạt động kinh doanh ngân hàng có nhiều loại rủi ro. Đối với mỗi loại rủi ro, ngân hàng cần mô hình quản lý cụ thể từ việc nhận biết rủi ro, hệ thống thông tin số liệu phân tích mức độ rủi ro, giải pháp phòng ngừa rủi ro... Trên cơ sở chiến lược quản lý rủi ro tổng thể, mỗi NHTM cần cụ thể hóa nội dung, chính sách quản lý rủi ro trong hoạt động kinh doanh NVNHQT. Nội dung chính sách này cần xác định chính xác những rủi ro đặc trưng trong kinh doanh NVNHQT, để có biện pháp phòng ngừa phù hợp.

Thứ hai, xây dựng một chu trình kinh doanh các NVNHQT khép kín

Hoạt động kinh doanh NVNHQT của NHTM gắn liền với hoạt động ngoại thương, một thương vụ trải qua nhiều giai đoạn khác nhau, làm phát sinh những hình thức NVNHQT tương ứng.

Trên cơ sở hợp đồng ngoại thương quy định thanh toán

bằng L/C, ngân hàng sẽ tham gia với vai trò là ngân hàng phát hành, ngân hàng thông báo, ngân hàng xác nhận, ngân hàng chiết khấu L/C. Trong quá trình thanh toán phát sinh nhu cầu tài trợ của ngân hàng, ngân hàng tài trợ cho người XK với hình thức ứng tiền trước khi giao hàng, chiết khấu bộ chứng từ sau khi giao hàng; NH tài trợ cho người NK khi yêu cầu mức ký quỹ nhỏ hơn 100%, hay cho vay thanh toán. Ngoài ra, trong trường hợp mức độ tin tưởng giữa người XK và NK thấp thì họ yêu cầu ngân hàng phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho phía đối tác hưởng như là một cách phòng ngừa rủi ro. Bên cạnh đó, ngân hàng còn cung cấp các nghiệp vụ mua bán ngoại tệ cho khách hàng để người NK có ngoại tệ thanh toán cho người XK, hay người XK có nội tệ để trang trải các chi phí đầu vào...

Như vậy, các NVNHQT không tách rời nhau mà liên quan chặt chẽ với nhau khi đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong thanh toán quốc tế. Do đó, các ngân hàng cần xây dựng một chu trình cung ứng dịch vụ khép kín, cùng lúc đáp ứng được nhiều nhu cầu của khách hàng. Điều này đem lại cho ngân hàng rất nhiều lợi ích như tăng thu từ phí do cung ứng được nhiều loại hình dịch vụ cho khách hàng, giữ được khách hàng truyền thống, gia tăng khách hàng mới và đặc biệt phòng chống được những rủi ro có nguyên nhân từ khách

Cần soạn thảo cẩm nang cho từng nghiệp vụ ngân hàng quốc tế như: Cẩm nang thanh toán quốc tế, cẩm nang tài trợ XNK, cẩm nang kinh doanh ngoại hối... để cảnh báo các hình thức gian lận, lừa đảo có thể xảy ra để toàn hệ thống NHTM có thể chủ động phòng ngừa.

hàng.

Bên cạnh mô hình hoạt động, NHTM cần phải xây dựng một quy chế hoạt động phù hợp với bản thân ngân hàng cũng như tuân thủ đúng pháp luật trong nước và thông lệ quốc tế theo hướng: Xây dựng quy trình nghiệp vụ mới đối với những nghiệp vụ mới áp dụng, tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung các văn bản hướng dẫn quy trình nghiệp vụ đã ban hành theo hướng bám sát thực tiễn và sự thay đổi của thông lệ quốc tế trong lĩnh vực hoạt động.

Thứ ba, các giải pháp đảm bảo an toàn cho hoạt động của ngân hàng

Kinh doanh tiền tệ vốn dĩ là lĩnh vực đem lại lợi nhuận cao nhưng cũng là lĩnh vực tiềm ẩn nhiều rủi ro. Những rủi ro này ngày càng tăng trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế. Chính vì vậy, để tồn tại và phát triển, ngân hàng cần phải chú trọng đến công tác đánh giá, đo lường các loại rủi ro và có biện



pháp phòng ngừa những rủi ro đó. Cụ thể:

- Đối với rủi ro chính trị hay rủi ro quốc gia: Ngân hàng cần thường xuyên theo dõi tình hình kinh tế chính trị của các quốc gia có quan hệ thương mại với Việt Nam, thông qua hệ thống ngân hàng đại lý hoặc qua hệ thống các phương tiện thông tin đại chúng. Khi có những dấu hiệu thay đổi ảnh hưởng tiêu cực, ngân hàng cần có những biện pháp phòng ngừa: Hạn chế giao dịch với các thị trường có rủi ro, nếu giao dịch như thanh toán L/C thì yêu cầu khách hàng ký quỹ 100% giá trị của L/C, tài trợ XNK thì thực hiện theo hình thức có truy đòi...

- Đối với rủi ro đạo đức: Ngân hàng cần phải tìm hiểu, thẩm định kỹ lưỡng các thông tin về tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, mức độ tín nhiệm của khách hàng, bạn hàng của khách hàng trước khi đưa ra quyết định cung ứng dịch vụ.

- Đối với rủi ro tỷ giá, đây là rủi ro đặc trưng trong hoạt động kinh doanh NVNHQT. Để phòng ngừa rủi ro này, ngân hàng cần có các biện pháp sau đây:

+ **Sử dụng các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro tỷ giá: Kỳ hạn, hoán đổi, quyền chọn, tương lai kết hợp với bảo hiểm rủi ro tỷ giá.**

+ **Đa dạng hóa các loại tiền tệ đầu tư:** Đa dạng hóa tiền tệ cũng là cách phòng tránh rủi ro trong hoạt động kinh doanh ngoại tệ. Đầu cơ chỉ một loại

ngoại tệ với một số lượng lớn có thể sẽ đem lại lợi nhuận rất lớn nếu dự đoán đúng xu hướng biến động của tỷ giá. Ngược lại, điều này cũng tiềm ẩn t rủi ro rất lớn và cũng sẽ không lường hết hậu quả nếu các diễn biến không đúng như dự đoán, thậm chí ngược lại với dự đoán.

+ **Xây dựng chiến lược kinh doanh trong từng giai đoạn cụ thể:** Nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ (KDNT) cần được hoạch định chiến lược rõ ràng, kể cả thị trường ngoài nước và trong nước. Sự biến động của tỷ giá thường không theo một chu kỳ nào nhất định, đôi khi dao động chỉ vì một tin đồn hay là lòng tin của dân chúng bị giảm sút về nền kinh tế, về Chính phủ. Chính vì thế, ngân hàng cần có kế hoạch kinh doanh trong từng giai đoạn. Tùy theo thời điểm có thể thay đổi phù hợp.

+ **Xây dựng các hạn mức KDNT, khối lượng giao dịch, giới hạn loại tiền kinh doanh một cách hợp lý và linh hoạt:** Biện pháp phòng ngừa rủi ro hữu hiệu là sử dụng hạn mức trong hoạt động KDNT. Hạn mức của mỗi ngân hàng tùy thuộc vào đặc điểm kinh doanh và khả năng chấp nhận rủi ro của ngân hàng. Ngân hàng phải xây dựng và duy trì một hạn mức chi tiết và rõ ràng.

+ Mỗi ngân hàng cần phải thiết lập hệ thống nối mạng với các hãng truyền thông nổi tiếng như Reuter, Bloomberg... để có được thông tin nhanh chóng

chính xác về biến động tỷ giá. Ngoài ra, còn có các rủi ro đặc thù của từng NVNHQT, đối với các rủi ro này, ngân hàng cần hoàn thiện quy trình nghiệp vụ, xây dựng mô hình hoạt động phù hợp với từng nghiệp vụ, nâng cao trình độ của cán bộ ngân hàng, áp dụng công nghệ ngân hàng vào quá trình thực hiện dịch vụ cũng như quản lý rủi ro.

Thứ tư, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát

Thực hiện tốt công tác kiểm tra, kiểm soát nhằm phát hiện rủi ro tiềm ẩn, phát hiện những sai sót trong quá trình thực hiện NVNHQT, trên cơ sở đó có biện pháp kịp thời và phù hợp để giải quyết.

Hoạt động kiểm tra, kiểm soát bao gồm 2 chức năng: Kiểm tra giám sát và kiểm toán, ngân hàng cần thực hiện đồng bộ cả 2 chức năng trên. Đối với mỗi chức năng cần có quy chế làm việc cụ thể, quy định rõ trách nhiệm của từng bộ phận trong ngân hàng, khi phát hiện sai sót thì dễ dàng xác định được sai sót nằm ở đâu để đưa ra biện pháp xử lý phù hợp.

Trong thời gian qua, công tác kiểm toán nội bộ tại các NHTM chỉ mới chú trọng đến công tác tín dụng, công tác kế toán mà chưa có một chương trình kiểm tra định kỳ, chuyên sâu trong từng NVNHQT như thanh toán quốc tế, kinh doanh ngoại tệ, tài trợ XNK. Trong điều kiện hội nhập, mức độ rủi ro với những nghiệp vụ này ngày càng đa dạng và



phức tạp, tổn thất xảy ra ngày càng nghiêm trọng hơn, vì vậy yêu cầu kiểm toán đối với các NVNHQT cần các NH quan tâm hơn trong thời gian tới.

Để đảm bảo chất lượng kiểm tra kiểm toán nội bộ, các NH cần đặc biệt quan tâm đến đào tạo cán bộ kiểm toán, xây dựng quy trình kiểm toán đồng bộ từ môi trường kiểm toán lành mạnh; chính sách, thủ tục, phương pháp phù hợp; hệ thống thông tin đầy đủ đến việc kiểm tra phải được thực hiện thường xuyên, liên tục.

Xu thế mở cửa và hội nhập kinh tế của Việt Nam hiện nay đã mở ra rất nhiều cơ hội kinh doanh quốc tế cho các chủ thể trong nền kinh tế, trong đó có hệ thống NHTM. Phát triển các NHHQT là xu thế tất yếu nhằm thích nghi với hội nhập của các NH. Tuy nhiên trong quá trình phát triển mảng nghiệp vụ này các NH không thể không xem xét đến những rủi ro có thể xảy ra, để có thể đưa ra những giải pháp phòng ngừa thích hợp, tiến tới mục tiêu phát triển hoạt động kinh doanh NH an toàn, bền vững.



Tài liệu tham khảo

1. TS. Nguyễn Văn Tiến (2003), *Đánh giá và phòng ngừa rủi ro trong kinh doanh ngân hàng*, NXB Thống Kê.
2. PGS. TS. Nguyễn Văn Tiến (2007), *Quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng*, NXB Thống Kê.
3. Nguyễn Minh Kiều (2008), *Thị trường ngoại hối và các giải pháp phòng ngừa rủi ro*, NXB Thống Kê.

4. PGS. TS. Lê Văn Tư (2009), *NVNHQT*, NXB Thanh niên.
5. Trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh (2007), *Hoạt động của hệ thống NHTM VN một năm sau gia nhập WTO*, NXB Thống kê.
6. Các trang web: www.vnexpress.vn; www.moit.gov.vn; www.mpi.gov.vn; www.sbv.gov.vn

tiếp theo trang 65

trường. Ngoài ra, các bộ ban ngành khác cũng cần tham gia xây dựng kế hoạch phối hợp để thực hiện việc kích cầu của nền kinh tế, giải quyết vấn đề hàng tồn kho, đặc biệt là tồn kho bất động sản.

Có thể nhận thấy, hoạt động của hệ thống NHTM Việt Nam còn nhiều điểm đáng quan ngại và chưa thể hiện sự bền vững. Rủi ro và yếu kém của hệ thống ngân hàng đã bộc lộ rõ nét khi môi trường kinh tế vĩ mô có nhiều bất ổn trong giai đoạn 2010- 2012. Tuy nhiên, hệ thống ngân hàng nên xem đây là cơ hội để thực hiện những điều chỉnh hợp lý và tái cấu trúc từng NHTM đơn lẻ cũng như cả hệ thống. Từ đó, hệ thống NHTM sẽ có sự phát triển bền vững trong giai đoạn tới, khi mà những dự báo về tăng trưởng kinh tế thế giới không thực sự khả quan trong năm 2013.

Tài liệu tham khảo

1. PGS.TS. Tô Ngọc Hưng, *Kinh nghiệm xử lý nợ xấu của một số quốc gia và những bài học cho Việt Nam*, *Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng*, Số 125, Tháng 10/2012.

2. Học viện Ngân hàng, *Hoạt động ngân hàng Việt Nam- Điểm lại năm 2011 và dự báo năm 2012*, Tháng 2/2012.
3. Báo cáo tài chính, báo cáo thường niên các NHTM năm 2010 và 2011.
4. *Thống kê tiền tệ ngân hàng*, website: www.sbv.gov.vn
5. *Định hướng và giải pháp tái cơ cấu lại hệ thống ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2011- 2015*.

Bụi phấn

BH

Khi mái đầu đã điểm màu sương
 Thầy sớm hôm chăm chút tới trường
 Viết miệt mài cùng bao lớp trẻ
 Bảng còn đen hạnh phúc còn vương

Bụi bay bay nhuộm trắng vai gầy
 Phấn đưa trò theo gió theo mây
 Rơi xuống khoảng chân trời kì diệu
 Rơi vào lòng khao khát ngất ngây

Có phút giây đôi chút chạnh lòng
 Hạt buồn chen lời giảng ấm nồng
 Bụi thời gian òa vào tĩnh lặng
 Nào thấu người chèo lái sang sông...

Rơi còn rơi... bụi phấn còn loang
 Trên chặng đường bao nỗi gian nan
 Bụi bảng sưa sùi lời vẫn ngọt
 Giảng tiếng lòng kiến thức hòa tan

Có phút giây bông hóa thiên đường
 Hạt nảy mầm, trò giỏi nêu gương
 Bụi phấn bay nuôi thành quả ngọt
 Nào mấy nghề nhiều vạt sắc hương

Rơi rơi rơi, bụi phấn còn rơi
 Trên vai gầy dọc cả cuộc đời
 Tóc đầu bạc nhưng tình xanh lá
 Thầy lái đò chẳng phút nào ngơi